

## **Phần 1. MỞ ĐẦU**

### **1.1. Lý do lựa chọn đề tài:**

Nhân lực là nhân tố quan trọng nhất quyết định đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Trình độ phát triển của nguồn nhân lực là thước đo chủ yếu đánh giá sự phát triển của các quốc gia. Các quốc gia trên thế giới đều rất coi trọng phát triển nguồn nhân lực. Trong thế kỷ XX, đã có những quốc gia nghèo về tài nguyên thiên nhiên, nhưng do phát huy tốt nguồn nhân lực nên đã đạt được thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành công nghiệp hoá và hiện đại hoá chỉ trong vài ba thập kỷ như Nhật bản, Israel, Singapore...

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định quan điểm coi con người là trung tâm của sự phát triển, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế, phát triển nhân lực được coi là một trong ba khâu đột phá của chiến lược chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, phát triển nhân lực trở thành nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Việc phát triển nhân lực, một mặt, cần phải có tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn, nhưng đồng thời, trong mỗi thời kỳ nhất định, cần xây dựng những định hướng cụ thể, để từ đó đánh giá thời cơ, thách thức, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân... để đề ra mục tiêu và giải pháp phát triển thích hợp cho giai đoạn đó phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.

Trong các giải pháp phát triển nguồn nhân lực thì giáo dục đào tạo là nhiệm vụ then chốt là giải pháp chủ yếu để phát triển nhân lực Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến 2020 và những thời kỳ tiếp theo. Hội nghị Trung ương 8 khoá XI đã ra Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09-6-2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Mặt khác, Việt Nam là một quốc gia Biển có một vùng biển đặc quyền kinh tế rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup>, gấp 3 lần diện tích đất liền; có bờ biển dài 3.260 km. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của Đất nước. Sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiềm lực kinh tế biển của Đất nước ta đã không ngừng lớn mạnh, phát triển với tốc độ khá nhanh và đã có những đóng góp quan trọng vào

nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của Đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ngày 22 tháng 9 năm 1997, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng Việt Nam trở thành một nước mạnh về biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo, ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ Đất nước.

Để tiếp tục phát huy các tiềm năng của biển trong thế kỷ XXI, Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9 tháng 2 năm 2007 “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, trong đó nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”. Định hướng chiến lược: nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

Để “*tiến xa hơn, xuống sâu*” hơn khai thác hiệu quả, bền vững tiềm năng của biển cho công cuộc phát triển quốc gia, dân tộc và đảm bảo an ninh biển đảo của tổ quốc; thì chúng ta cần phải có ngành công nghiệp đóng tàu – công trình biển phát triển với nền tảng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ thiết kế, công nghệ có trình độ để làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo ra các đội tàu, công trình biển đáp ứng nhu cầu thực tế của sự phát triển và hội nhập.

Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là cái nôi đào tạo nguồn nhân lực - cán bộ hoa học, thiết kế, công nghệ cho ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Kể từ khi thành lập vào năm 1962 đến nay trải qua 54 năm phát triển trưởng thành Khoa đã đào tạo ra hàng vạn kỹ sư, thạc sỹ, tiến sỹ cho ngành Đóng tàu Việt Nam. Các thế hệ sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp đang miệt mài đóng góp công sức, trí tuệ cho sự phát triển kinh tế biển Đất nước, cho ngành Đóng tàu Việt Nam.

Để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển và hội nhập. Trong các yếu tố góp phần vào thành công công tác đào tạo thì con người tham gia trực tiếp công tác đào tạo là yếu tố quan trọng nhất. Do vậy chúng ta phải có chiến lược đúng đắn phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết của việc nghiên cứu chiến lược phát triển nguồn nhân lực khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đáp ứng nhu cầu thực tế và hội nhập. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Xây dựng phương án nguồn nhân lực cho Khoa Đóng tàu đáp ứng sự phát triển giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030*”. Kết quả của đề tài sẽ làm cơ sở cho việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên Khoa Đóng tàu – Đội ngũ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho Ngành Đóng tàu thủy Việt Nam đáp ứng yêu cầu đòi hỏi thực tế của sự phát triển và hội nhập.

## **1.2. Mục tiêu của đề tài :**

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu để đưa ra được chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

## **1.3. Nhiệm vụ của đề tài**

Căn cứ vào các định hướng chiến lược của Đảng, chương trình hành động của Chính phủ; các quyết định, thông tư của các Bộ, ngành liên quan; xu thế phát triển của ngành Đóng tàu, chiến lược phát triển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, tác giả đi xây dựng chiến lược nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đáp ứng nhu cầu thực tế và hội nhập giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2030.

## **1.4. Giới hạn của đề tài**

Đề tài này giới hạn trong phạm vi nguồn nhân lực của Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Cụ thể là chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa Đóng tàu hiện tại và phát triển trong giai đoạn tới đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển và hội nhập giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2030.

## **Phần 2. NỘI DUNG**

### **2.1. Căn cứ xây dựng chiến lược nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu**

#### **2.1.1. Căn cứ khoa học, lý luận**

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực là một trong những nội dung cơ bản nhất của quá trình quản trị nhân lực vì nhờ công tác này mà các nhà quản lý lựa chọn cho mình một đội ngũ lao động phù hợp với nhu cầu công việc, thỏa mãn các mục tiêu của đơn vị cũng như lợi ích của cá nhân người lao động.

#### *\*/ Nguồn nhân lực*

Theo Liên hợp quốc: "Nguồn nhân lực là trình độ lành nghề, là kiến thức và năng lực của toàn bộ cuộc sống con người hiện có thực tế, hoặc tiềm năng để phát triển kinh tế-xã hội trong một cộng đồng" [14].

Theo giáo trình "Nguồn nhân lực" của Nhà xuất bản Lao động xã hội: "Nguồn nhân lực bao gồm toàn bộ dân cư có khả năng lao động, không phân biệt người đó đang được phân bổ vào ngành nghề, lĩnh vực, khu vực nào và có thể coi đây là nguồn nhân lực xã hội" [12].

Nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu, trường Đại học Hàng hải Việt Nam là nguồn lực con người có trình độ, chiến lược, năng lực hoặc tiềm năng tham gia vào thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Khoa và để phát triển Khoa Đóng tàu đáp ứng đòi hỏi thực tế và hội nhập.

#### *\*/ Phát triển nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực của Đất nước nói chung, của cơ quan và ngay cả mỗi gia đình đều cần được phát triển. Phát triển Nguồn nhân lực là các hoạt động đầu tư nhằm tạo ra nguồn nhân lực với số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của Đất nước, đồng thời đảm bảo sự phát triển của mỗi cá nhân.

Phát triển nguồn nhân lực khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là các hoạt động đánh giá thực trạng, xu thế phát triển của Khoa của ngành. Xác định đúng nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng nhân lực đúng khả năng, mục đích nhằm phát huy được hết khả năng, đúng nguyện vọng cống hiến của của con người trong Khoa đáp ứng nhu cầu phát triển của Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, đồng thời đảm bảo sự phát triển của mỗi cá nhân.

#### *\*/ Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực*

Tuy nhiên muốn phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản, đúng hướng và chủ động thì cần phải xây dựng tốt chiến lược phát triển. "Xây dựng chiến lược phát triển

nguồn nhân lực là quá trình nghiên cứu, xác định nhu cầu nguồn nhân lực, đưa ra các chính sách và thực hiện các chương trình, hoạt động bảo đảm cho đơn vị có đủ nguồn nhân lực với các phẩm chất, kỹ năng phù hợp để thực hiện công việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao” [13].

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực không chỉ đơn thuần chú ý đến việc dự báo và tuyển đủ số lượng nhân viên cần thiết. Lập kế hoạch nguồn nhân lực giúp cho đơn vị thấy rõ phương hướng, cách thức quản lý nguồn nhân lực của mình, bảo đảm cho đơn vị có được đúng người đúng việc, vào đúng thời điểm cần thiết và linh hoạt đối phó với những thay đổi của môi trường bên ngoài. Thừa nhân viên sẽ làm tăng chi phí, thiếu nhân viên hoặc chất lượng nhân viên không đáp ứng yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện công việc.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là quá trình xem xét một cách có hệ thống các nhu cầu về nguồn lực con người để xây dựng các kế hoạch đáp ứng nhằm mục tiêu duy trì và phát triển Khoa Đóng tàu đúng với chức năng và nhiệm vụ được giao.

#### 2.1.2. Căn cứ chính trị, pháp lý:

Cơ sở nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đáp ứng nhu cầu thực tế và hội nhập được dựa trên: các định hướng phát triển, chính sách, nghị quyết của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Nhà nước CHXHCN Việt Nam ; Nghị quyết, thông tư, chương trình hành động, quy hoạch phát triển của các bộ, ngành; chiến lược phát triển của đơn vị và thực trạng và xu thế phát triển của Ngành Đóng tàu Việt Nam. Cụ thể:

##### *\*/ Chiến lược biển Việt Nam [1]:*

Việt Nam là một quốc gia biển có bờ biển dài trên 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 1 triệu km<sup>2</sup>, với gần 3.000 đảo ven bờ. Việt Nam có nguồn tài nguyên biển phong phú, từ tài nguyên sinh vật, tài nguyên phi sinh vật đến tài nguyên vị thế. Việc khai thác, sử dụng, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển một cách bền vững, hiệu quả, cùng với bảo vệ, giữ vững chủ quyền, an ninh biển đảo Việt Nam là những nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Ngày 22/9/1997, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 20 về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ những quan điểm cơ bản của Nghị quyết này, cùng với việc tiếp tục nhấn mạnh chủ trương lớn xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo, ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ Đất nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Để tiếp tục phát huy các tiềm năng của biển trong thế kỷ 21, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã thông qua Nghị quyết số 09 ngày 9/2/2007 về "Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020", trong đó nhấn mạnh thế kỷ 21 được thế giới xem là thế kỷ của đại dương. Nghị quyết đã xác định các quan điểm chỉ đạo về định hướng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đưa nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

Mặt khác phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường, kết hợp giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đồng thời khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Đất nước.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 là phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho Đất nước giàu mạnh. Mục tiêu cụ thể là xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53-55% tổng GDP của cả nước.

Nghị quyết cũng đã xác định sát đúng và cụ thể về phát triển kinh tế biển đến năm 2020 trên lĩnh vực kinh tế - xã hội; chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phát triển khoa học - công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/2007 ngày 30/5/2007 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ, thực hiện Nghị quyết 09 ngày 9/2/2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

*\*/ Chiến lược phát triển giao thông vận tải[2]:*

Ngày 03 tháng 03 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 35/2009/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đã đưa ra định hướng đối với ngành công nghiệp tàu thủy: đóng mới tàu biển trọng tải đến 300.000 DWT; sửa chữa tàu biển trọng tải tới 400.000 DWT; đáp ứng nhu cầu trong nước và có sản phẩm xuất khẩu; phấn đấu nâng tỷ lệ nội địa hóa lên 70%.

Mục tiêu phát triển phương tiện vận tải đến năm 2020 với ngành vận tải biển: chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dùng như tàu container, tàu hàng rời cỡ lớn, tàu dầu, tàu khí hóa lỏng, tàu Lash ... trẻ hóa đội tàu biển đạt độ tuổi bình quân 12 năm vào năm 2020. Nghiên cứu phát triển tàu chở khách cao tốc ven biển và tàu khách du lịch. Đến năm 2020 đội tàu quốc gia có tổng trọng tải là 12 ÷ 14 triệu DWT.

Với đường thủy nội địa: khu vực đồng bằng sông Hồng, sử dụng đoàn tàu kéo đẩy từ 1.200 ÷ 1.600T, tàu tự hành đến 500T, tàu khách 50 ÷ 120 ghế; khu vực đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng tàu kéo đẩy 600 ÷ 1.200T, tàu tự hành loại đến 500T và tàu khách đến 30 ÷ 100 ghế. Đối với các tuyến ven biển ngắn, sử dụng tàu tự hành 500 ÷ 1.200T. Phát triển các phương tiện vận tải chuyên dùng (container, xi măng rời, xăng dầu...). Đến năm 2020, đội tàu thủy nội địa có tổng trọng tải 10 ÷ 12 triệu tấn, tổng sức kéo 12 ÷ 13 triệu CV, tổng sức chở 0,8 ÷ 1 triệu ghế khách.

Trong quyết định cũng nêu rõ giải pháp, chính sách phát triển nguồn nhân lực: cần có sự đầu tư tập trung nâng cao năng lực và trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, huấn luyện, tăng cường sự phối hợp và gắn kết giữa các công ty sử dụng nguồn nhân lực với các cơ sở đào tạo, huấn luyện để đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

*\*/ Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo [3]:*

Ngày 4 tháng 11 năm 2013, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Với quan điểm:

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hoá, hiện đại hoá giáo dục và đào tạo.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển Đất nước.

Mục tiêu tổng quát:

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hoá, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Mục tiêu cụ thể đối với đối với giáo dục đại học:

Tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

*\*/ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực [4]:*

Ngày 19 tháng 04 năm 2011 Thủ tướng chính phủ ra quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt nam giai đoạn 2011-2020. Với quan điểm:

Phát triển nhân lực nhằm thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Phát triển nhân lực Việt Nam phải có tầm nhìn dài hạn và phải có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.



Phát triển nhân lực phải đảm bảo tính hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành/lĩnh vực, vùng, miền, lãnh thổ.

Phát triển nhân lực Việt Nam phải gắn với yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Tăng nhanh tỷ lệ nhân lực qua đào tạo trong nền kinh tế dưới các hình thức, trình độ khác nhau từ mức 40,0% năm 2010 lên mức 70,0% năm 2020, trong đó tỷ lệ nhân lực qua đào tạo ngành nông, lâm ngư nghiệp tăng tương ứng từ 15,5% lên 50,0%; ngành công nghiệp từ 78,0% lên 92,0%, ngành xây dựng từ 41,0% lên 56,0%; ngành dịch vụ tăng từ 67,0% lên 88,0%.

Phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực với chất lượng ngày càng cao, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực, đồng thời tập trung ưu tiên những lĩnh vực Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.

Xây dựng được đội ngũ giáo viên có chất lượng cao để đào tạo nhân lực có trình độ cho Đất nước.

Phát triển nhân lực ngành giao thông vận tải:

Tổng số nhân lực ngành giao thông vận tải đến năm 2015 khoảng 550 nghìn người, trong đó, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo khoảng 94,0%; năm 2020 tăng lên hơn 630 nghìn người, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo là khoảng 97,0%. Trong tổng số nhân lực qua đào tạo, trình độ sơ cấp nghề khoảng 6,0% năm 2015 và khoảng 4,5% năm 2020; trình độ trung cấp khoảng 57,5% năm 2015 và khoảng 58,0% năm 2020; trình độ cao đẳng khoảng 27,5% năm 2015 và khoảng 28,0% năm 2020; trình độ đại học và trên đại học khoảng 9,0% năm 2015 và khoảng 9,5% năm 2020.

*\*/ Chiến lược phát triển giáo dục [5]:*

Ngày 13 tháng 6 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ quyết định số 711/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020. Với quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục như sau:

Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương; ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho phát triển giáo dục phổ cập và các đối tượng đặc thù.

Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó để đạt được mặt bằng chung, đồng thời tạo điều kiện để các địa phương và các cơ sở giáo dục có điều kiện bứt phá nhanh, đi trước một bước, đạt trình độ ngang bằng với các nước có

nền giáo dục phát triển. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng; mặt khác phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng.

Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng.

Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

Mục tiêu cụ thể đối với Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học:

Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động và một bộ phận có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới.

Đến năm 2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp và đại học đạt khoảng 70%; tỷ lệ sinh viên tốt cả các hệ đào tạo trên một vạn dân vào khoảng 350 - 400.

*\*/ Luật giáo dục đại học[6]:*

Ngày 18/06/2012, Quốc hội đã thông qua Luật Giáo dục đại học, số 08/2012/QH13, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013, quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học, các hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, giảng viên...

Quốc hội quyết định trao quyền tự chủ ở mức tối đa phù hợp với năng lực thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học. Cụ thể, cơ sở giáo dục đại học được tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; tự chủ quyết định phương thức tuyển sinh, chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh; xác định chỉ tiêu tuyển sinh, chịu trách nhiệm công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ... Đồng thời, nhằm đánh giá uy tín, chất lượng đào tạo; phục vụ công tác quản lý Nhà nước và ưu tiên đầu tư ngân sách Nhà nước, các cơ sở giáo dục đại học sẽ được phân tầng, xếp hạng dựa trên các tiêu chí chính như: Vị trí, vai trò trong hệ thống giáo dục đại học; quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo, cơ cấu các hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học...

*\*/ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [7]:*

Ngày 16 tháng 04 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo Phạm Vũ Luận đã ban hành thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

*\*/ Nghị quyết số 34-NQ/BCSD của Ban cán sự Đảng Bộ Giao thông Vận tải[8]:*

Ngày 06 tháng 12 năm 2013 Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông Vận tải đã ra nghị quyết số 34-NQ/BCSD về định hướng, giải pháp phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia: Trong nghị quyết Ban cán sự đảng Bộ Giao thông Vận tải xác định việc định hướng phát triển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thiết thực của Bộ Giao thông Vận tải trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, Ban cán sự đảng Bộ quyết nghị:

Về định hướng phát triển:

- Xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành trường đại học trọng điểm quốc gia nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế biển, góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 Hội nghị Trung ương 4 khoá X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương khoá XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Trong giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hàng đầu khu vực ASEAN trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến kinh tế biển theo lộ trình: Phấn đấu đến năm 2020 là một trong 10 trường đại học hàng đầu Việt Nam, đến năm 2025 đạt trình độ ngang bằng các trường đại học hàng hải của các nước phát triển trong khối ASEAN (Thái Lan, Malaysia..); đến năm 2030 ngang bằng trình độ các trường trong khối các trường đại học hàng hải khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga..); có đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển Đất nước, nghiên cứu, thực nghiệm các công nghệ mới trong các lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển và hải dương học phục vụ cho nhu cầu dân dụng và quân sự, thu hút được học viên từ các nước trong khu vực và thế giới.

Giải pháp thực hiện:

- Về cơ chế chính sách: Trường Đại học hàng hải Việt Nam xác định rõ vị trí, năng lực của Trường trong công tác đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực hàng hải trong nước so với khu vực Đông Nam Á và quốc tế ở thời điểm hiện tại cũng như sau khi xây dựng thành công mô hình trường đại học trọng điểm quốc gia, từ đó đưa ra đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển nhanh hơn.

- Về đào tạo nguồn nhân lực: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam rà soát, sắp xếp, ưu tiên phát triển các ngành, nghề đào tạo phù hợp với định hướng phát triển, trên cơ sở phát huy những ngành, nghề thế mạnh đã có uy tín, thương hiệu mà Trường đã gây dựng trong nhiều năm qua cũng như tiềm năng phát triển của Trường trong thời gian tới; đồng thời gắn việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường với chiến lược phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng hải và các doanh nghiệp liên quan thông qua các hoạt động hợp tác để tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên do trường Đại học hàng hải Việt

Nam đào tạo thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao trình độ thực tế và chuyên môn nghiệp vụ.

*\*/ Chương trình hành động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [9] thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 khoá XI; Nghị quyết số 34-NQ/BCSĐ của Bộ Giao thông Vận tải:*

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Đảng uỷ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã đề ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 khoá XI; Nghị quyết số 34-NQ/BCSĐ của Bộ Giao thông Vận tải. Đã xác định mục tiêu xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành Trường Đại học trọng điểm quốc gia, là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng hàng đầu khu vực ASEAN trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến kinh tế biển. Có đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển của Đất nước, nghiên cứu, thực nghiệm các công nghệ mới trong lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển và hải dương học phục vụ dân dụng và quân sự; thu hút được học viên từ các nước trong khu vực và thế giới.

Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo là đổi mới vấn đề lớn, cốt lõi bao gồm: đổi mới tư duy nhận thức, đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo, đổi mới tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, đổi mới nội dung phương pháp dạy, học và phương pháp đánh giá sinh viên, đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo và chuẩn hoá đội ngũ, đổi mới nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và tài chính cho hoạt động đào tạo.

Xây dựng các nhóm nhiệm vụ, giải pháp với lộ trình thực hiện khả thi, nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thời gian qua để phát triển Nhà trường theo định hướng trường trọng điểm quốc gia, khẳng định vị thế, thương hiệu của Nhà trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2020 là một trong 10 trường đại học hàng đầu của Việt Nam; đến năm 2025 đạt trình độ ngang bằng với các trường đại học hàng hải của các nước phát triển trong khối ASEAN; đến năm 2030 ngang bằng trình độ của các trường trong khối các trường đại học hàng hải khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Trong chương trình hành động cũng chỉ rõ các giải pháp chủ yếu, nhấn mạnh phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo:

- Chỉ đạo thực hiện tốt các quy chế về cán bộ của Nhà trường, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/ĐU ngày 22 tháng 2 năm 2012 của Đảng uỷ Trường về xây dựng nguồn nhân lực Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hành động của Đảng uỷ về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức các đơn vị thuộc Trường theo kết luận số 64-KL/TU ngày 28 tháng 5 năm 2013; thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo kết luận số 63-KL/TU ngày 27 tháng 5 năm 2013 của hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 khoá XI

- Thực hiện chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo, tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Quan tâm, thực hiện các chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tiền lương, thưởng để động viên, khuyến khích sự phấn đấu của cán bộ quản lý, giảng viên.

- Về đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo:

- Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, mở rộng các ngành nghề và hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Chỉ đạo sửa đổi quy chế đào tạo theo hướng đơn giản hoá các quy trình quản lý, hiệu quả và khả thi, tăng cường trách nhiệm của giảng viên trong việc đánh giá kết quả học tập.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tiên tiến, hiệu quả, thiết thực. Tăng cường quản lý, giám sát việc thực hiện quy chế đào tạo tại các đơn vị trong toàn Trường.

- Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước đáp ứng theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận.

- Đánh giá kết quả đào tạo theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi môi trường.

*\*/ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2015-2020[10] đã tán thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển Nhà trường đến năm 2020:*

Về mục tiêu tổng quát:

Chỉ đạo hoàn thành giai đoạn thứ nhất về xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chiến lược Trường trọng điểm quốc gia, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, hiện đại, hội nhập. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành trường đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới, là điểm tin cậy của người học và người sử dụng lao động; có đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ, một số ngành đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn Quốc tế AUN (**ASEAN**

**UNIVERSITY NETWORK**), có kết quả trong hợp tác song phương quốc tế về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và trao đổi giảng viên và sinh viên.

Về chỉ tiêu xây dựng đội ngũ:

- Vượt tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- 100% giảng viên trong độ tuổi quy định đạt chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của Nhà trường

- 100% trưởng các bộ môn chuyên ngành có học vị tiến sĩ.

- Số giảng viên được phong học hàm PGS: 50 người/ nhiệm kỳ.

Về chỉ tiêu đào tạo, huấn luyện:

- Số lượng tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy đạt trên 3500 sinh viên/năm.

- Số lượng tuyển sinh sau đại học đạt trên 600 học viên/năm.

- Số lượng sinh viên quốc tế đạt trên 10 sinh viên/năm

- Mở mới 3-5 chuyên ngành Sau Đại học, 4-5 ngành đào tạo đại học

- Đảm bảo 100% các môn học có giáo trình và tài liệu giảng dạy.

Về chỉ tiêu nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ:

- Thực hiện 1-2 đề tài cấp Nhà nước/năm; 5-7 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ/ năm.

- Thực hiện từ 150-200 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường/ năm; 15-20 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên /năm

- Chuyển giao 1-2 ứng dụng khoa học và công nghệ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh/năm

- Giảng viên có trình độ tiến sĩ mỗi năm phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.

- Có từ 15-20 bài báo quốc tế/năm

Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện các mặt công tác của Nhà Trường, đặc biệt là công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trí tuệ, năng lực sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, có nhân cách đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công tác trong giai đoạn mới. Phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và đạt trình độ chuẩn theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao về Trường công tác; tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

- Đổi mới căn bản và toàn diện công tác đào tạo theo định hướng của nghị quyết 29-NQ/TW hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI. Phát triển các ngành đào tạo đại học và đào tạo sau đại học. Nâng cao chất lượng đào tạo để đạt thương hiệu và uy tín của Nhà trường. Đổi mới công tác tuyển sinh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như thu hút người học.

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, từng bước tiếp cận với các diễn đàn, hội thảo khoa học có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Triển khai thực hiện tốt Đề tài đổi mới cơ chế hoạt động và xã hội hoá công tác đào tạo của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam theo quyết định số 1615/QĐ-BGTVT ngày 07/05/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

*\*/ Kế hoạch hành động của Khoa Đóng tàu, trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2030[11]*

Mục tiêu:

- Trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ đóng tàu và công trình ngoài khơi đạt trình độ khu vực và thế giới nhằm phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.

Định hướng phát triển:

- Trong giai đoạn 2014-2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hàng đầu Việt Nam và được xếp hạng cao trong khu vực về ứng dụng và phát triển công nghệ đóng tàu và công trình ngoài khơi nhằm phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển của Đất nước.

- Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Khoa Đóng tàu xứng tầm với quy mô phát triển và thương hiệu của Nhà trường để sao cho các sản phẩm khoa học công nghệ của Khoa thực sự trở thành có ích cho nền kinh tế biển của Đất nước và gắn liền với các chương trình đào tạo trong từng giai đoạn phát triển.

- Trong giai đoạn 2014-2017 Khoa Đóng tàu cần chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực nhằm đón đầu sự phát triển trở lại của ngành Công nghiệp tàu thủy, trong bối cảnh đó phần lớn các cơ sở đóng tàu trong nước sẽ bị khủng hoảng thiếu nhân lực chất lượng cao, lúc đó các cơ sở đóng tàu trong nước sẽ cần đến sự hỗ trợ của Khoa vì vậy Khoa Đóng tàu phải sẵn sàng để đón nhận thời cơ nhằm khẳng định uy tín trong đào tạo và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Từ 2020 trở đi chủ động tham gia thị trường đào tạo nhân lực cung cấp cho thị trường đóng tàu và công trình ngoài khơi trong khu vực và thế giới thông qua việc nhận đào tạo sinh viên nước ngoài bằng tiếng Anh cả ở trình độ đại học và sau đại học (Thạc sĩ và tiến sĩ).



### 2.1.3. Căn cứ thực tiễn:

Khoa Đóng tàu, trường Đại học Hàng hải Việt Nam được thành lập từ năm 1962. Đến nay đã trải qua 54 năm xây dựng và trưởng thành cùng với sự thăng trầm của lịch sử. Các thế hệ thầy cô giáo của Khoa nói riêng, Nhà trường Đại học Hàng hải nói chung đã tận tâm đào tạo ra các thế hệ kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong chiến tranh; Công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa Đất nước trong thời bình. Các thế hệ sinh viên của Nhà trường được đào tạo ở Khoa sau khi ra Trường phát huy, trưởng thành trở thành những nhà quản lý giỏi, các cán bộ khoa học, kỹ thuật có năng lực đóng góp hữu hiệu cho ngành kinh tế biển của Đất nước; từ lĩnh vực Đóng tàu, Công trình biển, Vận tải biển.

*Cơ cấu tổ chức của Khoa Đóng tàu hiện nay:*

- Ban chủ nhiệm Khoa: gồm 02 đ/c:
  - 1) PGS.TS Đỗ Quang Khải - Trường khoa.
  - 2) TS. Trần Ngọc Tú - Phó khoa.
- Bộ phận giáo vụ và QLSV: gồm 02 đ/c làm công tác giáo vụ, 01 chuyên trách quản lý sinh viên.
- Các bộ môn chuyên môn: gồm có 03 bộ môn:
  - 1) Bộ môn Lý thuyết thiết kế tàu thủy, có 16 cán bộ, giảng viên. Trong đó có 01 phó giáo sư, tiến sĩ, 01 tiến sĩ và 14 thạc sĩ. Trong số đó có 01 thạc sĩ đang làm NCS ở Liên bang Nga, 01 thạc sĩ đang làm NCS ở Hàn quốc, 01 thạc sĩ đang làm NCS tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
  - 2) Bộ môn Kết cấu tàu và công trình nổi, có 07 cán bộ giảng viên. Trong đó có 1 tiến sĩ, 5 thạc sĩ, 01 kỹ sư làm công tác giáo vụ khoa. Trong số đó có 02 thạc sĩ đang làm NCS ở Trung quốc, 01 thạc sĩ đang làm NCS tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
  - 3) Bộ môn Tự động hoá thiết kế tàu thủy, có 12 cán bộ, giảng viên. Trong đó có 01 phó giáo sư, tiến sĩ, 01 tiến sĩ, 08 thạc sĩ và 02 kỹ sư. Trong số đó có 01 kỹ sư làm công tác giáo vụ; 01 thạc sĩ làm KTV phụ trách phòng tự động hoá thiết kế tàu; 01 thạc sĩ làm KTV phụ trách bể thử mô hình tàu thủy. 01 thạc sĩ đang làm NCS tại Liên bang Nga.

Như vậy tổng số cán bộ giảng viên Khoa Đóng tàu tính đến 30 tháng 04 năm 2016 có 35 cán bộ giảng viên. Trực tiếp tham gia công tác giảng dạy có 25 giảng viên, 05 giảng viên đang làm NCS ở nước ngoài, 02 KTV, 03 làm công tác giáo vụ và quản lý sinh viên.

*Cơ sở vật chất cho công tác đào tạo:*

- 1) Bể thử mô hình tàu được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của Ngân hàng thế giới trị giá 01 triệu USD, chuyên phục vụ cho công tác đào tạo thử nghiệm mô hình tàu.
- 2) Phòng tự động hóa thiết kế tàu, trang bị 30 máy tính được cài các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho đào tạo tính toán thiết kế tàu, như phần mềm AutoShip cho thiết kế kỹ thuật, ShipConstructor cho thiết kế công nghệ, ...
- 3) Bên cạnh đó Nhà trường có Xưởng cơ khí thực hành cho sinh viên của của Khoa thực hành kỹ thuật cơ khí, hàn tàu. Khoa cũng có liên kết chặt chẽ với các cơ sở đóng tàu, cơ quan đăng kiểm và các công ty vận tải biển để có thể gửi sinh viên ra thực hành thực tập. Từ đây sinh viên được đào tạo tại Khoa có điều kiện thực hành thực tế, thiết thực trong quá trình đào tạo.

*Chương trình đào tạo:*

Khoa Đóng tàu hiện thực hiện nhiệm vụ đào tạo các đại học 02 chuyên ngành:

- 1) Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi.
- 2) Đóng tàu và công trình ngoài khơi.

và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy.

*Quy mô đào tạo:*

Hiện tại Khoa đang đào tạo 12 lớp sinh viên: trong đó có 04 lớp thuộc khoá 52 đang làm đề tài tốt nghiệp, còn các khoá 53 đến 56 mỗi khoá 02 lớp. Tổng số sinh viên của Khoa xấp xỉ 500 sinh viên.

Tuyển sinh đào tạo sau đại học mỗi năm 01 lớp, và hiện đang có 03 NCS.

*Kết quả đào tạo:*

Trải qua 54 năm xây dựng và phát triển Khoa Đóng tàu đã đào tạo nhiều thế hệ cán bộ quản lý, kỹ thuật cho ngành Đóng tàu nói riêng, ngành kinh tế biển nói chung.

Sinh viên Khoa Đóng tàu luôn đạt các thành tích cao trong học tập, NCKH và thi Olympic. Nhiều năm liền khoa đóng tàu đứng tốp đầu trong phong trào học tập, NCKH và giành nhiều giải cao trong các kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp quốc gia. Điển hình năm 2014. Trong các giải Olympic quốc gia toàn Trường đạt 21 giải thì 14 giải thuộc về sinh viên Khoa Đóng tàu chiếm 66,6%. Nhiều sinh viên Khoa Đóng tàu có kết quả học tập tốt được nhận các học bổng của các Tổ chức trong và ngoài nước, như học bổng của Tổ chức đăng kiểm Mỹ tài trợ (ABS), Học bổng Daizotec, Tổ chức đăng kiểm Hàn Quốc (KR), Học bổng Thấp sáng ước mơ, Học bổng SFF-KFC.

Kết quả này cho thấy khả năng và sự cố gắng phấn đấu của các sinh viên; trình độ và sự nhiệt tâm của các giảng viên của Khoa, của Trường Đại học Hàng hải Việt nam.

*Các hoạt động biên soạn giáo trình tài liệu và KHCN:*

Trong những năm vừa qua với sự chỉ đạo của Nhà trường, sự vào cuộc của Khoa, sự nhiệt tâm của các giảng viên và các khoa học của Khoa trong công tác biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy. Do vậy tất cả các môn học đều có giáo trình, tài liệu học tập, và sinh viên được phát ngay khi bắt đầu môn học.

Các giảng viên, nhà khoa học của Khoa Đóng tàu ngoài việc giảng dạy, biên soạn giáo trình cũng rất nhiệt tình tham gia Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Các thầy đã tham gia nhiều hội đồng khoa học các cấp, xây dựng quy chuẩn quốc gia về lĩnh vực đóng tàu và công trình biển. Tham gia thẩm định, thiết kế các dự án đóng tàu. Tham gia các đề tài NCKH cấp Trường, Bộ, Nhà nước.

#### 2.1.4. Thực trạng của vấn đề cần giải quyết mà đề tài hướng đến

Trong giai đoạn hiện nay do ngành công nghiệp tàu thủy đang gặp khó khăn, ảnh hưởng đáng kể đến công tác tuyển sinh ngành Đóng tàu. Số lượng sinh viên theo học còn hạn chế. Do vậy lực lượng giảng viên của Khoa hiện tại cơ bản đảm nhận được được khối lượng đào tạo.

Tuy nhiên để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của sự phát triển và hội nhập thì nhìn một cách công tâm thì nguồn nhân lực của Khoa còn có hạn chế. Số lượng giảng viên có học hàm học vị còn thiếu. Các nhà khoa học của Khoa chưa khẳng định được vai trò là chuyên gia hàng đầu trong những mảng, lĩnh vực của mình để xứng tầm là cái nôi đào tạo ngành Đóng tàu Việt Nam. Các giảng viên trẻ của Khoa chưa thực sự quyết tâm trong công tác tự bồi dưỡng, học ngoại ngữ đạt chuẩn theo quy định của Nhà trường. Kết quả là tháng 12 năm 2015 đã có 06 giảng viên của Khoa không đạt chuẩn tiếng Anh 6.0 IELTS và buộc phải bị chấm dứt hợp đồng.

Về chương trình đào tạo còn chậm cập nhật đổi mới so với quan điểm đào tạo trên thế giới hiện nay là đào tạo gắn với thực tế. Chương trình vẫn nặng về lý thuyết hàn lâm. Chưa cân đối giữa lý thuyết và thực hành. Để thực hiện điều này không ai khác đó là sự vào cuộc của các nhà khoa học các giảng viên của Khoa trong công tác rà soát cập nhật chương trình đào tạo một cách thường xuyên phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và xu thế phát triển; thay đổi phương pháp đào tạo từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Vì vậy để công tác đào tạo của Khoa Đóng tàu, trường Đại học Hàng hải Việt Nam đáp ứng được đòi hỏi thực tế phát triển và hội nhập đúng theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá-hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; và các chiến lược phát triển, chương trình hành động của Đảng và Chính phủ, thì Khoa Đóng tàu phải xây dựng được nguồn nhân lực phù hợp - yếu tố quan trọng nhất để thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

## **2.2. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Khoa Đóng tàu giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030:**

### **2.2.1 Mục tiêu tổng quát:**

Mục tiêu tổng quát phát triển nguồn nhân lực Khoa Đóng tàu giai đoạn từ nay đến 2020 là ổn định và phát triển cả về chất và lượng đảm bảo yêu cầu đào tạo của Khoa của Nhà trường cho chiến lược biển của Đất nước, cho sự phát triển và hội nhập của ngành Đóng tàu Việt Nam. Khoa Đóng tàu xứng đáng là cái nôi, là đơn vị uy tín hàng đầu Việt Nam về đào tạo ngành Đóng tàu. Tầm nhìn đến năm 2030 phải trở thành cơ sở có uy tín trong khu vực và quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo ngành Đóng tàu.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể:**

Cán bộ, giảng viên của khoa Đóng tàu phải là người có tư cách đạo đức, có tâm với nghề, có tư duy, ý thức phát triển Khoa và Nhà trường. Trung thực, thẳng thắn trong khoa học, nhiệt thành trong đào tạo.

Giai đoạn từ nay đến năm 2020 tập trung vào hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Khoa. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm bảo nhiệm vụ công tác theo kế hoạch phát triển của Khoa và của Nhà trường cụ thể:

- Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên. Chú trọng công tác tự bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên từ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý...
- Đến năm 2020, các giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy lý thuyết phải là giảng viên chính, tiến sĩ hoặc thạc sĩ đang làm nghiên cứu sinh. Trưởng bộ môn phải có học vị tiến sĩ.
- Tất cả các giảng viên sinh từ năm 1980 phải có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương IELTS 6.0 (Theo quy định của Nhà trường, đã triển khai)
- Tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo mang tính thiết thực đáp ứng yêu cầu thực tế theo tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW và theo kế hoạch, tinh thần chỉ đạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
- Tập trung các nhà khoa học, giảng viên có năng lực, trình độ biên soạn các giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy, và nghiên cứu. Đảm bảo tất cả các học phần đều có giáo trình, tài liệu học tập (đã và đang thực hiện)

- Mở rộng liên kết với các doanh nghiệp và nhà quản lý trong lĩnh vực liên quan đến thiết kế, đóng mới, khai thác tàu thủy và công trình biển để cùng hỗ trợ nhau, đồng hành trong công tác đào tạo. Cùng nhau chia sẻ các tiến bộ của ngành Đóng tàu, phối hợp trong công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Đặc biệt Khoa có thể mời các chuyên gia trong ngành về cùng trao đổi học thuật và giảng dạy, hướng dẫn các lớp sinh viên.
- Xây dựng mở các khoá đào tạo cập nhật chuyên môn đáp ứng yêu cầu sản xuất. VD: Khai thác các chương trình phần mềm cho thiết kế, cho thực tế công nghệ. Đào tạo kỹ năng quản lý dự án đóng tàu..
- Các bộ môn trong Khoa phải xây dựng được các hướng phát triển chuyên môn theo các lĩnh vực quan tâm phát triển của ngành Đóng tàu và công trình nổi. Định hướng đào tạo các chuyên gia đầu ngành theo các lĩnh vực đã lựa chọn (như lĩnh vực: Tự động hoá trong đóng tàu, Thiết kế và kiến trúc tàu thủy, Công nghệ đóng mới, Công nghệ sửa chữa, Tối ưu kết cấu tàu thủy, Tổ chức sản xuất...)
- Trên cơ sở các hướng chuyên môn đã xác định, lựa chọn các vấn đề cần thời sự cần nghiên cứu phát triển. Các nhà khoa học, giảng viên cùng nhau phối hợp nghiên cứu, phát triển và ứng dụng bằng các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ.
- Hàng năm các nhà khoa học, giảng viên của Khoa phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và công nghệ đúng chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế. Các nhà khoa học của Khoa phải tham gia các hội nghị khoa học chuyên ngành.
- Các giảng viên trẻ phải được đào tạo thực tế bằng các khoá thực tế, làm việc 3 tháng đến 6 tháng tại các cơ sở thiết kế, doanh nghiệp đóng tàu.

#### *Tầm nhìn đến năm 2030:*

- Chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Khoa Đóng tàu theo quy hoạch phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành trường Trọng điểm quốc gia ngành.
- Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao để xây dựng Khoa Đóng tàu trở thành cơ sở đào tạo có uy tín trong khu vực và quốc tế.
- Các nhà khoa học, giảng viên của Khoa Đóng tàu phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực, môn học mà mình đang trực tiếp giảng dạy.
- Các nhà khoa học, các giảng viên của Khoa thực hiện khối lượng giảng dạy 50%, còn lại 50% làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Có thể là các chuyên gia, cố vấn, quản lý kỹ thuật cho các đề án nghiên cứu, các công ty, doanh nghiệp.

- Tất cả các giảng viên đứng lớp phải có học trình độ sư phạm, có học vị tiến sĩ và giàu kinh nghiệm thực tế.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu thực tế và xu thế phát triển.

*Chỉ tiêu cụ thể nguồn nhân lực và thực hiện nhiệm vụ đào tạo và NCKH giai đoạn từ nay đến 2020:*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2018	Năm 2020	Năm 2030
1	Số cán bộ, giảng viên	35	40	45	60
2	Trực tiếp tham gia đào tạo	25	25	30	35
3	Số GS, PGS	02	04	5	20
4	Số tiến sĩ	05	10	18	35
5	Số CB, GV làm NCS	06	8	8	10
6	Tuyển sinh Đ.học	90	180	180	180
7	Tuyển sinh Cao học	15	30	45	45
8	Tuyển sinh NCS	04	05	05	10
9	Số đề tài NCKH cấp cơ sở	12	12	15	16
10	Các khoá ngắn hạn, cập nhật	02	02	03	03
11	Số đề tài cấp Nhà nước, bộ, ngành, th/phố	-	01	02	03
12	Số bài báo, báo cáo KHCN	5	10	15	25
13	Bài báo, báo cáo KHCN quốc tế	3	5	7	10
14	Hoạt động chuyên giao KHCN và hợp đồng LĐSX	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế

### 2.2.3. Các giải pháp, biện pháp để thực hiện

- Thông tin tuyên truyền để cho mọi cán bộ giảng viên trong Khoa Đóng tàu, trường Đại học Hàng hải Việt Nam thấu hiểu vai trò của nguồn nhân lực đến sự phát triển của Khoa, của ngành. Tạo sự đồng thuận, quyết tâm thực hiện thành công chiến lược đã đề ra.

- Mỗi bộ môn phải xác định được hướng chuyên môn chủ đạo, có kế hoạch, lộ trình nghiên cứu phát triển chuyên môn rõ ràng. Mỗi cá nhân phải có kế hoạch hành động cụ thể, và quyết tâm hoàn thành kế hoạch đó.

- Ban Chủ nhiệm Khoa, Trưởng các bộ môn phải đôn đốc, giám sát kế hoạch tự bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên theo chương trình hành động đăng ký. Động viên, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện có thể để họ thực hiện thành công kế hoạch hành động đa xây dựng.

- Tạo môi trường làm việc năng động, thân thiện, tạo tính năng động trong sự phát triển hướng tới sự hứng khởi trong công việc cho cán bộ, giảng viên. Phân công việc công bằng, hợp lý để mọi thành viên có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân.

- Sắp xếp, bố trí nhân sự đảm bảo đúng người, đúng việc để nâng cao hiệu quả công việc.

- Tiến hành đánh giá năng lực của cá nhân theo định kỳ ngoài trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.., phải trên tiêu chí hiệu quả công việc nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên.

- Tổ chức những hoạt động phong trào, giải trí ngoài công việc để mọi người có điều kiện giao lưu, học hỏi, tạo sự gắn kết và tái tạo sức lao động.

#### 2.2.4. Những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện:

\*/ Thuận lợi:

- Cán bộ, giáo viên của Khoa Đóng tàu đều được đào tạo bài bản, có trình độ từ đại học trở lên nên có ý thức tập thể và trách nhiệm trong công việc. Toàn thể cán bộ giáo viên của Khoa Đóng tàu nói riêng của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam nói chung nhận thức và thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc tự bồi dưỡng chuyên môn, Ngoại ngữ, trình độ sư phạm.. để đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập. Thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành Trường Đại học trọng điểm quốc gia, là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng hàng đầu khu vực ASEAN trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến kinh tế biển. Có đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển của Đất nước. Chính vì vậy đến nay các giảng viên trẻ cơ bản đã đạt chuẩn ngoại ngữ để đi nước ngoài tu nghiệp và lam nghiên cứu sinh. Nhận thức và quyết tâm là yếu tố cực kỳ quan trọng trong thành công chiến lược phát triển con người và phát triển đơn vị.

- Khoa Đóng tàu là cơ sở uy tín, cái nôi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Đóng tàu Việt Nam, nên Khoa Đóng tàu luôn được sự quan tâm chỉ đạo của

Đảng uỷ, Ban giám hiệu Nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển.

- Việt Nam là quốc gia biển, Đảng và Chính phủ tập trung quan tâm đến phát triển kinh tế biển, trong đó có ngành Đóng tàu, được thể hiện bằng các Nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động. Đây là cơ hội cho Khoa Đóng tàu phát triển.

- Trong xu thế hội nhập và sự phát triển mạnh mẽ của KHKT, Cán bộ, giáo viên của Khoa Đóng tàu có nhiều điều kiện tiếp cận, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về những tiến bộ, những thành tựu của KHKT và công nghệ tiên tiến liên quan đến chuyên ngành, để ứng dụng nghiên cứu chuyên giao công nghệ, đưa vào trong đào tạo và xây dựng Khoa ngày càng phát triển vững mạnh.

\*/ Khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất hiện nay là ngành công nghiệp đóng tàu của ta đang gặp khủng hoảng, Nhiều đơn vị đóng tàu hoạt không hiệu quả, và nhu cầu tuyển dụng kỹ sư thiết kế và công nghệ rất hạn chế, điều này ảnh hưởng đến tâm lý và nguồn tuyển sinh đầu vào dẫn đến chất lượng đào tạo cũng bị ảnh hưởng. và cũng ảnh hưởng đến chất lượng tuyển dụng của cán bộ giảng viên của Khoa Đóng tàu.

#### 2.2.5. Các nguồn lực để thực hiện:

- Nguồn lực con người: để thực hiện dự án thì nguồn lực con người là các cán bộ giảng viên của Khoa đang công tác và đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài.

- Ngoài ra bổ sung theo lộ trình từ các nguồn tuyển dụng là: sinh viên của Khoa có tư cách đạo đức, là thủ khoa đầu vào được Khoa và Nhà trường cử đi học đại học và sau đại học ở nước ngoài. Sau khi tốt nghiệp loại giỏi trở lên khi về nước được tuyển dụng vào làm giảng viên của Khoa.

- Nguồn khác là sinh viên của Khoa có tư cách đạo đức. Tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, đạt chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh 6.0 IELTS trở lên, hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp Thạc sĩ loại khá trở lên và đạt chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh 6.0 IELTS trở lên có nguyện vọng sẽ được tuyển vào làm giảng viên của Khoa.

- Nguồn lực tài chính cho công tác đào tạo nguồn nhân lực từ quỹ hỗ trợ đào tạo của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Nguồn học bổng của Nhà Nước và các nguồn học bổng tài trợ khác.

- Các chế độ chính sách, quy chế hoạt động của Khoa theo chế độ hiện hành của Nhà nước và các quy định của Nhà trường.

#### 2.2.6. Phân công trách nhiệm thực hiện đề tài:

- Ban chủ nhiệm Khoa phải chỉ đạo quyết liệt các đơn vị trong khoa thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra. Hàng năm rà soát điều chỉnh chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Khoa cho phù hợp với nhu cầu thực tế phát triển và hội nhập và báo



cáo Đảng uỷ, Ban giám hiệu Nhà trường cho chủ trương, chỉ đạo thực hiện. Sau khi rà soát hàng năm phải công khai và làm công tác tư tưởng để tạo sự đồng thuận trong toàn Khoa nhằm thực hiện tốt chiến lược đã đề ra.

- Các đơn vị cá nhân trong Khoa trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã thông qua, phải xây dựng được kế hoạch, lộ trình thực hiện và nghiêm túc thực hiện đúng theo kế hoạch. Hàng kỳ phải có đánh giá những mặt đã đạt được và những tồn tại để rút kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ đề ra.

## **Phần 3: KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ**

### **3.1. Kết luận**

Đề tài này được xây dựng xuất phát từ đòi hỏi thực tế yêu cầu phát triển của Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; trong đó phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất, quyết định đến thành công của sự phát triển và hội nhập. Cơ sở nghiên cứu từ những nghị quyết, định hướng của Đảng; chỉ thị, thông tư, chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành; Định hướng phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; thực trạng Khoa Đóng tàu hiện nay và xu thế phát triển của ngành Đóng tàu hiện tại và tương lai. Đề tài đã đưa ra được kế hoạch nguồn nhân lực cụ thể theo lộ trình phát triển của Khoa Đóng tàu có cả mục tiêu và giải pháp thực hiện cụ thể.

Đề tài này đã đưa ra được chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Khoa Đóng tàu đáp ứng nhu cầu phát triển giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Là cơ sở cho việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng phù hợp nguồn nhân lực của Khoa. Đảm bảo duy trì hoạt động và phát triển của Khoa theo mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Kế hoạch nguồn nhân lực này cần phải được đánh giá, cập nhật điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế phát triển mới ý nghĩa thiết thực.

### **3.2. Kiến nghị:**

Để đề tài này được thực hiện thành công, kính mong Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Các đối tác của Khoa, các doanh nghiệp và nhà quản lý – đơn vị sử dụng các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật của khoa đào tạo, đóng góp và tạo điều kiện để dự án được thực hiện hiệu quả.

Với mong muốn Khoa Đóng tàu trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Đóng tàu Việt Nam phát triển. Tác giả chân thành cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp, xây dựng của các chuyên gia, các thầy cô giáo, các đồng nghiệp để đề tài được hoàn thiện!

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- 1/ Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9/2/2007 Hội nghị Trung ương 4 khoá X về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.
- 2/ Quyết định số 35/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, ngày 03 tháng 03 năm 2009 “về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
- 3/ Nghị quyết số 29-NQ/TW, Ngày 4 tháng 11 năm 2013, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo”.
- 4/ Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 19/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020”
- 5/ Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020”
- 6/ Luật Giáo dục đại học, số 08/2012/QH13, Quốc hội thông qua ngày 18/06/2012, Hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.
- 7/ Thông tư Số 07/2015/TT-BGDĐT, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo Phạm Vũ Luận đã ban hành ngày 16/04/2015 “quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”.
- 8/ Nghị quyết số 34-NQ/BCSD của Ban cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải, ngày 06 tháng 12 năm 2013, “về định hướng, giải pháp phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia”
- 9/ Chương trình hành động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 khoá XI; Nghị quyết số 34-NQ/BCSD của Bộ Giao thông Vận tải, ngày 28 tháng 3 năm 2014
- 10/ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2015-2020, tháng 8 năm 2015.
- 11/ Kế hoạch hành động của Khoa Đóng tàu, Trường Đại học hàng hải Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2030, ngày 28/04/2014.
- 12/ Nguyễn Tiệp. Giáo trình Nguồn nhân lực. – H.: Lao động xã hội, 2008.
- 13/ Phạm Minh Hạc. Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - H.: Chính trị Quốc gia, 1996.
- 14/ WB. World Development Indicators. - London: Oxford, 2000.

